TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 928/2025/QĐST-HNGĐ *Thành phố T, ngày 18 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 734/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Phạm Thị Thảo Q, sinh năm 1993.

Địa chỉ: 3 đường B, khu phố A, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Và ông Lê Viết T, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: 3 đường B, khu phố A, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phạm Thị Thảo Q và ông Lê Viết T tự nguyện sống chung năm 2014, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 49/2014, quyển số 01/2014 ngày 20 tháng 3 năm 2014.

Cuộc sống chung giữa bà Phạm Thị Thảo Q và ông Lê Viết T không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa do tính cách không phù hợp. Nay bà Q và ông T xác định tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Toàn Đ, sinh ngày 29/5/2015. Bà Q, ông T thỏa thuận giao con chung cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/tháng. Việc giao nhận tiền cấp dưỡng do đôi bên tự thực hiện vào ngày 10 dương lịch hàng tháng kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến lúc con chung đủ tròn 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Bà Q, ông T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Q, ông T tự khai không có.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025, Tòa án lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành; Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành; Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thảo Q và ông Lê Viết T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 49/2014, quyển số 01/2014 ngày 20 tháng 3 năm 2014 do Ủy ban nhân dân phường B, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Phạm Thị Thảo Q và ông Lê Viết T không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Toàn Đ, sinh ngày 29/5/2015. Giao con chung tên Lê Toàn Đ cho bà Phạm Thị Thảo Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Lê Viết T cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/tháng Việc giao nhận tiền cấp dưỡng do đôi bên tự thực hiện vào ngày 10 dương lịch hàng tháng kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến lúc con chung đủ tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

Kể từ khi có đơn yêu cầu Thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người bị yêu cầu còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí hôn nhân và gia đình: 300.000 đồng, mỗi người phải nộp 150.000 đồng được cấn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí bà Q và ông T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0073879 ngày 28/3/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Bà Q và ông T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**
- Các đương sự;
- TAND TP . HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND TP Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP Thủ Đức;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu.

Võ Thị Mai Trâm